TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24/6/2022
"V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Trần Đặng Anh Việt.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Lê Đình Hưng và ông Phạm Văn Miền.
- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đoàn Thị Minh Chinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2022/TLST-HNGĐ ngày 20/01/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11/5/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 190/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 02/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị P, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện Đ, tỉnh G.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Thái Huy V, sinh năm 1981,

Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện Đ, tỉnh G.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị P trình bày:

Chị Trần Thị P và anh Thái Huy V có trải qua thời gian tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện Đ, tỉnh G vào ngày 18/12/2018.

Sau khi kết hôn, chị P và anh V chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Anh V nghiện rượu, thường xuyên gây sự, đánh đập chị P. Chị P đã nhiều lần bỏ qua cho anh V nhưng

anh V không thể thay đổi được. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không còn khả năng hàn gắn để tiếp tục chung sống, tình cảm vợ chồng không còn nên chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị P và anh V có 01 con chung tên: Thái P Anh, sinh ngày 08/5/2019. Hiện nay, cháu Anh đang sống cùng với chị P.

Chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thái P Anh cho đến khi cháu Anh thành niên và tự lập được. Chị P không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn, anh Thái Huy V trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh Thái Huy V và chị Trần Thị P trải qua thời gian tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện Đ, tỉnh G vào ngày 18/12/2018.

Trong thời gian chung sống, do bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng anh thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống chung không được hòa thuận, không có hạnh phúc. Anh V và chị P đã sống ly thân với nhau. Nay vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm tới nhau. Chị P xin ly hôn, anh V nhất trí.

Về con chung: Anh V và chị P có 01 con chung tên: Thái P Anh, sinh ngày 08/5/2019.

Anh V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thái P Anh cho đến khi cháu Anh thành niên và tự lập được. Anh V không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Thái Huy V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ có văn bản hoàn trả hồ sơ vụ án và không phân công Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Trần Thị P khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con chung với anh Thái Huy V có địa chỉ tại thôn C, xã D, huyện Đ, tỉnh G. Vì vậy đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Thái Huy V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị P và anh Thái Huy V qua thời gian tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Đ, tỉnh G, vì vậy hôn nhân giữa chị P và anh V là hợp pháp theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống với anh V, nhận thấy mâu thuẫn phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh V. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh V cũng thừa nhận những mâu thuẫn giữa anh và chị P là trầm trọng và anh V cũng yêu cầu được ly hôn với chị P. Xét thấy, Luật hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng chia sẻ. Chị P và anh V là vợ chồng hợp pháp nhưng anh, chị không ở bên nhau để yêu thương và chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân, chị P và anh V đã sống ly thân một thời gian, không chăm sóc, quan tâm đến nhau. Như vậy, chị P và anh V đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị P yêu cầu ly hôn với anh V là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị P và anh V có 01 con chung tên là: Thái P Anh, sinh ngày 08/5/2019. Cháu Anh hiện đang sống cùng chị P.

Chị P và anh V đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Anh cho đến khi cháu Anh trưởng thành và tự lập được. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Anh là con gái, lại đang còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ, chị P có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, đảm bảo sự phát triển toàn diện cho cháu Anh. Do đó, cần giao cháu Anh cho chị P nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Anh trưởng thành và tự lập được là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh V cũng không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị P và anh V đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị P là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 19, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị P được ly hôn với anh Thái Huy V.

2. Về con chung: Giao cháu Thái P Anh, sinh ngày 08/5/2019 cho chị Trần Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi cháu P Anh chưa thành niên, đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Thái Huy V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Về án phí: Buộc chị Trần Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn để sung quỹ nhà nước, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0006617, ngày 20/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G. Chị P đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 24/6/2022, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã D;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đặng Anh Việt